

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ CƯỜNG GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ CƯỜNG GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CUONG GIANG ICC.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110865817

3. Ngày thành lập: 17/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngõ 136, đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974099767

Fax:

Email: CuonggiangICC.JSC@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng công trình điện	4221
3.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò phá bom mìn)	4311
6.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò phá bom mìn)	4312
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
13.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

16.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
17.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
24.	Khai thác và thu gom than non	0520
25.	Khai thác quặng sắt	0710
26.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
28.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
29.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
35.	Thu gom rác thải độc hại	3812
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
38.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
39.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
42.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
43.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543

45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản)	6810
46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
47.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, chứng khoán)	7020
48.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 70 Luật xây dựng 2014); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; (Điều 155 của Luật Xây dựng năm 2014) - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp (Điểm a Khoản 13 Điều 6 Nghị định 08/2018/NĐ-CP) - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Khoản 8, điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013) - Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình; - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn - Thiết kế xây dựng công trình giao thông - Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều (Điều 89 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
49.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
53.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
54.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động Dịch vụ báo cáo tòa án; loại trừ Hoạt động đấu giá độc lập, Loại trừ Dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
57.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
59.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
60.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
61.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ HÙNG CƯỜNG	Tổ 11, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	019082002838	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		

2	LÊ XUÂN TIỀN	Thôn Luật Nội Đông, Xã Quang Lịch, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	034093004505	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
3	BÙI VĂN GIANG	Tổ 4, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	034077006874	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 02/08/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019082002838

Ngày cấp: 08/08/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 11, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 11, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội